

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2022/HS-PT
Ngày 30/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu và ông Bùi Đăng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 161/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị M và các đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1973; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu dân cư số 5, T, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân N và con bà Nguyễn Thị Ng; chồng là Nguyễn Việt Ho và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Tại Bản án số 55 ngày 29/6/2020, bị TAND thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, M chưa nộp tiền án phí và tiền phạt; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. **Vũ Văn T**, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Đình L và con bà Hoàng Thị Th; vợ là Dương Thị Ph và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: chưa. Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20 ngày 24/01/2011, bị Công an thị xã Chí Linh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, xử phạt

1.000.000 đồng, chấp hành xong ngày 25/01/2011; Tại Bản án số 01 ngày 12/01/2012, bị TAND huyện Nam Sách xử phạt Vũ Văn T 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/4/2013, chấp hành xong án phí hình sự, tiền phạt ngày 02/8/2012; Tại Bản án số 03 ngày 17/01/2017, bị TAND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/12/2017, thi hành án dân sự ngày 07/4/2017. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. **Đồng Văn N1**, sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đồng Văn C và con bà Phương Thị T1; vợ là Nguyễn Thị Hải A và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

4. **Vũ Đình T2**, sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Đình B và con bà Vũ Thị M; vợ là Trần Thúy H3 và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 40 ngày 16/8/2019, bị TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 16 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/12/2020, chấp hành xong án phí hình sự, tiền phạt ngày 10/7/2020. Nhân thân: Tại Bản án số 01 ngày 12/01/2012, bị TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách 20 tháng, đã chấp hành xong án phí hình sự và tiền phạt ngày 13/6/2012; Tại Bản án số 52 ngày 11/7/2013, bị TAND thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh) xử phạt 19 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp với hình tại bản án số 01/2012 của TAND huyện Nam Sách, T2 phải chấp hành 2 năm 5 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/3/2015, chấp hành xong phần án phí dân sự ngày 23/10/2013. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

5. **Đặng Thị V**, sinh năm 1980; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Đức H3 và con bà Đào Thị C6; chồng là Hà Văn Th5 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Vụ án còn có 04 bị cáo khác không có kháng cáo và Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 11/6/2022, Nguyễn Thị M, Đặng Thị V, Đồng Văn N1 đang ngồi uống nước tại số nhà 519, khu dân cư Nguyễn Trãi 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*nhà V cùng M thuê chung của anh Đoàn Văn Y, sinh năm 1971, trú tại C, quận L, thành phố Hà Nội*), M nảy sinh ý định rủ mọi người đến để đánh bạc được thua bằng tiền nên dùng điện thoại Iphone 8 Plus, bên trong lắp sim số 0336615545 gọi cho Vũ Văn T7 bảo đến nhà V, M để đánh bạc thì T7 đồng ý đến, sau đó có Nguyễn Văn B5 đến chơi. Trong lúc mọi người đang ngồi nói chuyện, M gọi điện thoại cho Vũ Văn P5, Vũ Văn T và Trần Văn H4 rủ đến để đánh bạc. Khoảng 30 phút, P5, T và Vũ Đình T2 (do lúc M gọi điện T2 đang đi cùng T nên biết) và H4 đến. Trong khi ngồi chơi có người bảo đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa (*Không xác định được người rủ*) thì tất cả cùng đồng ý. V, M biết và đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại tầng 1 nơi ở của V, M. N1 dùng kéo cắt giấy chuôi nhựa màu đỏ có sẵn trong phòng cất 04 quân bài vị hình tròn từ hai quân bài chắn có sẵn, sử dụng 01 chiếc bát sứ và 01 chiếc đĩa sứ có sẵn trong phòng làm công cụ đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Hình thức đánh bạc: Người chơi ngồi thành vòng tròn, người cầm cái cho 04 quân vị vào đĩa rồi úp bát lên và xóc, những người chơi đặt tiền vào các cửa chắn (là khi mở bát ra có 2 hoặc 4 quân bài vị cùng màu), lẻ (là khi mở bát ra có 1 hoặc 3 quân vị cùng màu). Nếu khi mở bát ra mà là chắn thì người đặt tiền bên chắn sẽ được số tiền bằng số tiền đã đặt, người đặt bên lẻ sẽ bị thua và ngược lại. Mức đặt cửa thấp nhất là 100.000 đồng/ván, nhiều nhất không giới hạn. P5 là người xóc cái để B5, T7, T, T2, N1, H4 đặt cửa, V, M ngồi xem không tham gia đánh bạc. P5 là người cầm cái từ khi bắt đầu chơi đến khi lực lượng Công an vào kiểm tra. Khi tham gia đánh bạc P5 có 6.000.000 đồng; H4 có 2.000.000 đồng; B5 có 2.000.000 đồng; N1 có 3.600.000 đồng, T có 3.900.000 đồng; T2 có 1.500.000 đồng; T7 có 500.000 đồng dùng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 19.500.000 đồng. Trong lúc đang đánh bạc H4 tự bảo mọi người bỏ 500.000 đồng ra để đưa cho M, V mua thuốc nước cho những người chơi, P5, T7, T2, H4, B5, mỗi người đặt 500.000 đồng ra trước mặt nhưng không đưa cho ai. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thấy lực lượng Công an vào kiểm tra P5, H4, T, T2, N1, B5 đã cất tiền dưới chiếu bạc

vào trong người. Quá trình làm việc P5 tự nguyện giao nộp số tiền 4.600.000 đồng; T2 giao nộp 1.300.000 đồng; T giao nộp số tiền 4.600.000 đồng, N1 giao nộp số tiền 4.700.000 đồng; H4 giao nộp số tiền 2.000.000 đồng; B5 giao nộp số tiền 2.300.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bát sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài chắn, 01 kéo bằng kim loại đã qua sử dụng và thu giữ điện thoại của các bị cáo H4, P5, T7, M, T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 23 (*Hai mươi ba*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/6/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 07 (*Bảy*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/6/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Đình T2 13 (*Mười ba*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 13/6/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Văn N1 19 (*Mười chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thị V 08 (*Tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/6/2022.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo M, T, T2, V đều kháng cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo M, T2, V, N1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Bị cáo T xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị M, Vũ Văn T, Vũ Đình T2, Đồng Văn N1, Đặng Thị V về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo M 23 tháng tù, T2 13 tháng tù, V 08 tháng tù, T 07 tháng tù là đã phù

hợp. Tại phiên tòa bị cáo T rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T; Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo M, V, T2 cần giữ nguyên án sơ thẩm. Đối với bị cáo N1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo N1 19 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Về án phí: Các bị cáo M, T2, V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo T, N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo cáo Nguyễn Thị M, Vũ Văn T, Vũ Đình T2, Đồng Văn N1, Đặng Thị V trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cấp sơ thẩm và phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hồi 15 giờ 30 phút, ngày 11/6/2022, tại nhà số 519, khu dân cư Nguyễn Trãi 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương do Đặng Thị V và Nguyễn Thị M thuê ở, M gọi điện thoại rủ và V, M đồng ý để cho Vũ Văn P5; Vũ Đình T2; Vũ Văn T; Nguyễn Văn B5; Vũ Văn T7; Trần Văn H4 và Đồng Văn N1 có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Xóc đĩa”. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 19.500.000 đồng, trong đó P5 sử dụng 6.000.000 đồng, T 3.900.000 đồng, N1 3.600.000 đồng, H4 2.000.000 đồng, B5 2.000.000 đồng, T2 1.500.000 đồng, T7 500.000 đồng thì bị công an thành phố Chí Linh phát hiện bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo M, P5, T2, T, B5, H4, N1, V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T7 phải chịu tình tiết định khung là “*tái phạm nguy hiểm*”, do vậy hành vi của bị cáo T7 đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo M, T2, N1, V về tội danh và điều luật như trên là đúng người,

đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh các bị cáo M, T2, N1, V không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá chưa đúng về vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá lại như sau: Trong vụ án này, bị cáo T7 phải chịu tình tiết định khung là “*tái phạm nguy hiểm*” nên bị xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo T7 giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo M không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng là người đề xuất, dùng nơi ở của mình cho các bị cáo đánh bạc nên giữ vai trò thứ hai. Bị cáo P5 là người cầm cái, sử dụng số tiền đánh bạc 6.000.000 đồng, bị cáo T sử dụng số tiền đánh bạc là 3.900.000 đồng, bị cáo N1 là người chuẩn bị công cụ, sử dụng số tiền đánh bạc là 3.600.000 đồng nên bị cáo P5 giữ vai trò thứ 3, bị cáo T giữ vai trò thứ 4, bị cáo N1 giữ vai trò thứ 5. Các bị cáo H4, B5 đều dùng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc nên giữ vai trò ngang nhau và cùng giữ vị trí số 6 trong vụ án. Bị cáo T2 sử dụng số tiền đánh bạc 1.500.000 đồng nên giữ vai trò thứ 7. Bị cáo V tuy không tham gia đánh bạc nhưng khi biết M gọi điện thoại cho các bị cáo khác đến nhà của V và M thuê để đánh bạc, V không ngăn cản mà để mặc cho các bị cáo khác đánh bạc tại nơi ở của mình nên là đồng phạm giúp sức, giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn T xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét việc rút đơn kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T theo quy định.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo M, T2, V xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo M; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T2; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V. Các bị cáo T2, M phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T2 đã tự nguyện nộp tiền án phí và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo M tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng là người đề xuất và dùng chính nơi ở mà M và V đang thuê để cho các bị cáo khác đánh bạc, giữ vị trí thứ 2 trong vụ án. Do vậy cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo M 23 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo M

không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo M.

Đối với bị cáo Vũ Đình T2 tham gia vụ án với vai trò đồng phạm thực hành, sử dụng số tiền đánh bạc không lớn, giữ vị trí thứ 7 trong vụ án, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T2.

Đối với bị cáo V không trực tiếp tham gia đánh bạc, là đồng phạm giúp sức và giữ vị trí vai trò thứ yếu cuối cùng trong vụ án; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt và xử bị cáo mức hình phạt bằng thời hạn tạm giam của bị cáo.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Đồng Văn N1 xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo N1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo N1 giữ vị trí thứ 5 trong vụ án, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo N1, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo M không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo T rút đơn kháng cáo; kháng cáo của các bị cáo N1, T2, V được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Vũ Văn T. Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương đối với Vũ Văn T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 30/12/2022.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với bị cáo M.

3. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đồng Văn N1, Vũ Đình T2, Đặng Thị V. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo N1, T2, V.

4. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 23 (*Hai mươi ba*) tháng tù về tội Đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Văn N1 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đồng Văn N1 cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Đình T2 10 (*Mười*) tháng tù về tội Đánh bạc, thời hạn tính từ ngày 13/6/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thị V 06 (*Sáu*) tháng 17 (*Mười bảy*) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2022. Quyết định trả tự do cho

bị cáo Đặng Thị V ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Vũ Văn T, Đồng Văn N1, Vũ Đình T2 và Đặng Thị V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận việc bị cáo Vũ Đình T2 đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (*Hai trăm*) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0001265 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Ghi nhận việc bị cáo Đồng Văn N1 đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (*Hai trăm*) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0001284 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Hải Dương.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố C;
- VKSND thành phố C;
- Cơ quan CSĐT, HSNV, THAHS - Công an thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Tuyết